

Bản án số: 37/2023/HSST

Ngày 24- 04- 2023.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tòng.

*Hội thẩm nhân dân:*

-Ông Hoàng Văn Tuấn- Phó Bí thư Huyện đoàn;

-Bà Vũ Thị Dinh- Giáo viên trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thụy Trường.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

*-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 03 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 03 năm 2022 đối với bị cáo:

H1, sinh ngày 18 tháng 07 năm 2005; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn P1, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: H2, họ tên mẹ: M1; Chưa có chồng con; Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 331 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 16- 12- 2022. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm; tại ngoại, có mặt.

*Người đại diện của bị cáo:* Ông H2, sinh năm 1978 và bà M1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn P1, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình- là bố mẹ bị cáo. Ông H2, bà M1 đều có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo H1:* Bà D1- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình. Có mặt.

*Bị hại:* Bà G1, sinh năm 1950, (Đã chết);

*Người đại diện hợp pháp của bà G1:*

-Ông H3, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Thôn T3, xã S1, huyện T1, tỉnh Thái Bình- Là chồng bà G1. Vắng mặt.

-Chị K1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ xxx, khu xxx, phường H4, thành phố H5, tỉnh Quảng Ninh- Là con bà G1. Vắng mặt.

-Anh T4, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn T3, xã S1, huyện T1, tỉnh Thái Bình- Là con bà G1. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị K1, anh T4 là ông H3- Vắng mặt.*  
(Văn bản ủy quyền ngày 16- 02- 2023; 04- 02- 2023).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà H4, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ xxx, phường N2, quận K2, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình- Vắng mặt.

*Người làm chứng:*

-Anh Q1, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn H5, xã S1, huyện T1, tỉnh Thái Bình- Vắng mặt.

-Anh C2, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn T3, xã S1, huyện T1, tỉnh Thái Bình- Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 06 giờ 30 ngày 26- 09- 2022, bị cáo H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16L4- 8450, dung tích xi lanh 107cm<sup>3</sup> trên đường ĐH91 theo hướng từ xã T2 đến xã T5, huyện T1; người ngồi phía sau là bà M1 (mẹ bị cáo). Khi đến khu vực ngã ba giao nhau giữa đường ĐH91 với đường liên thôn thuộc địa phận thôn H6, xã S1; bị cáo phát hiện thấy phía trước, cùng chiều có bà G1 đang dắt xe đạp đi bộ. Quan sát thấy bà G1 có biểu hiện sang đường; bị cáo đã đạp phanh giảm tốc độ, bấm còi xin đường. Thấy bà G1 dừng lại nên bị cáo điều khiển xe đi tiếp; khi này bà G1 lại tiếp tục đi bộ, dắt xe đạp sang đường từ bên phải sang bên trái đường theo chiều đi của bị cáo. Bị cáo không kịp đạp phanh giảm tốc độ mà điều khiển xe sang phía bên trái đường để tránh nhưng do khoảng cách quá gần nên đã xảy ra va chạm: Phần đầu xe mô tô do bị cáo điều khiển đã đâm vào phía bên trái người bà G1 và phía sau xe đạp do bà G1 dắt đi bộ, đẩy bà G1 và xe đạp về phía trước làm cho bà G1, bà M1, bị cáo đều bị ngã; hai xe bị đổ. Hậu quả: Bà G1 và bị cáo đều bị chấn thương, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa xxx đến 06 giờ 37 phút ngày 27- 09- 2022, bà G1 chết; hai chiếc xe bị hư hỏng. Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường xác định: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là khu vực ngã ba giao nhau giữa đường ĐH91 với đường trục liên thôn thuộc địa phận thôn H6, xã S1. Mặt đường xe chạy trải bê tông, rộng 8m, phẳng, thẳng, không bị che khuất tầm nhìn; trên mặt đường có vạch sơn trắng rộng 0,2m phân chia đường thành hai chiều riêng biệt. Hai bên là lề đường lần lượt là lề bê tông, lề cỏ. Trên lề bê tông phía bên trái theo chiều đường từ xã T2 đi về phía xã T5 có cọc tiêu, tiếp giáp lề bê tông là kênh nước; tiếp giáp với lề bê tông, lề cỏ phía bên phải là khu dân cư và bãi đất trồng. Trên mặt đường xe chạy về phía bên trái đường theo chiều đi từ xã T2 đến xã T5 có 01 tổ hợp vết cày, 01 vết cày, 01 đám máu kích thước 0,45m x 0, 1m và xe mô tô, xe đạp bị đổ ngã trên mặt đường. Kết luận giám định số 219/KL-KTHS (PY) ngày 04- 10- 2022 đối với bà Gái: “*Đa chấn thương vùng đầu, lưng, tay và chân do tai nạn giao thông làm vỡ xương sọ vùng thái dương trái, chảy máu não. Nạn nhân G1 chết do chấn thương sọ não*”.

Các chứng cứ chứng minh: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện

trường; Bản ảnh hiện trường; Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông; Bản ảnh phương tiện; Biên bản khám nghiệm tử thi; Bản ảnh tử thi; Kết luận giám định; các biên bản làm việc; các biên bản ghi nhận dấu vết trên thân thể; Sơ đồ, vị trí, dấu vết thương tích trên thân thể người bị nạn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Các vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả 01 xe mô tô biển kiểm soát 16L4- 8450 cho bà H4 ; đã trả 01 xe mini màu đỏ cho ông H3.

Tại phiên tòa, bị cáo H1 khai nhận: Hồi 06 giờ ngày 26- 09- 2022, bà H4 là cô ruột của bố bị cáo đi xe biển kiểm soát 16L4- 8450 đến gửi ở sân nhà bị cáo; chia khóa vẫn cắm ở xe. Sau đó, bà H4 đi đến thành phố Thái Bình; bố bị cáo làm. Hồi 06 giờ 30 cùng ngày 26- 09- 2022, sau khi ăn sáng xong, bị cáo lấy xe đạp điện để đi làm thì xe hết điện. Sợ muộn giờ làm nên bị cáo đã tự ý sử dụng chiếc xe mô tô của bà H4 gửi để đi làm. Khi đang đi trên đường trục xã T2, bị cáo thấy mẹ bị cáo là bà M1 đang đi bộ trên đường. Do Công ty nơi bị cáo làm việc và Công ty nơi mẹ bị cáo làm việc gần nhau nên bị cáo chở mẹ đi làm luôn. Bị cáo chở mẹ đi được một đoạn ngắn thì nhìn thấy phía trước có người phụ nữ đang dắt xe đạp đi bộ, cùng chiều với bị cáo; sau này bị cáo biết đó là bà G1. Bị cáo thấy bà G1 có biểu hiện sang đường nên bị cáo đã đạp phanh giảm tốc độ và bấm còi xin đường. Khi thấy bà G1 dừng lại thì bị cáo điều khiển xe đi tiếp; khi còn cách nhau khoảng 5m thì bà G1 lại dắt xe đạp đi bộ sang đường. Bị cáo không kịp đạp phanh giảm tốc độ mà chỉ kịp điều khiển xe sang bên trái đường để tránh bà G1 nhưng không kịp. Xe mô tô do bị cáo điều khiển đâm vào xe đạp của bà G1, đẩy bà G1 và xe đạp về phía trước. Bị cáo bị ngất nên không biết sự việc về sau. Nguyên nhân tai nạn là do bị cáo không giảm tốc độ đến mức có thể dừng một cách an toàn khi thấy có người đi bộ sang đường nên đã gây tai nạn giao thông. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 60.000.000đồng; gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường thêm.

Người đại diện của bị hại là ông H3, chị K1 và anh T4 trình bày: Ông H3 là chồng bà G1; là người đại diện theo ủy quyền của chị K1 và anh T4. Sau khi vụ tai nạn xảy ra, gia đình ông đã đưa bà G1 đi điều trị nhưng bà đã chết hồi 06 giờ 37 phút ngày 27- 09- 2022. Bị cáo và gia đình ông đã thỏa thuận: Bị cáo bồi thường cho gia đình ông 60.000.000đồng gồm chi phí cứu chữa, chi phí mai táng, tổn thất tinh thần; gia đình ông đã nhận đủ số tiền trên; không yêu cầu bồi thường thêm. Chiếc xe đạp có giá trị thấp, không hư hỏng nhiều nên ông không yêu cầu bồi thường. Gia đình ông không có yêu cầu gì khác và cam đoan không có khiếu kiện gì. Ông đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà H4 trình bày: Bà là cô ruột của ông H3 (bố bị cáo). Hồi 06 giờ 00 ngày 26- 09- 2022, bà điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16L4- 8450 của bà đến nhà ông H3 để gửi chiếc xe này để bà đi đến xe buýt đến thành phố Thái Bình. Ông H3 đồng ý cho bà gửi xe và bảo bà cứ để xe ở sân. Bà dựng xe ở sân, chia khóa vẫn cắm ở xe; rồi bà đi xe buýt đến thành phố Thái Bình. Bà không biết việc bị cáo sử dụng xe của bà gây tai nạn giao thông. Bà đã nhận lại xe; không có yêu cầu gì.

Người đại diện của bị cáo là ông H3 và bà M1 trình bày: Hồi 06 giờ 00 ngày 26- 09- 2022, bà M1 đã đi làm; ở nhà chỉ có ông H3 và bị cáo. Sau đó, bà H4 là cô ông H3 đi xe mô tô đến và hỏi gửi xe. Ông H3 đồng ý cho bà H4 gửi xe nên bà H4 dựng xe

mô tô biển kiểm soát 16L4- 8450 tại sân nhà ông H3; chìa khóa vẫn để ở xe. Sau khi gửi xe thì bà H4 đi trước; ông H3 sau đó cũng đi làm; ở nhà chỉ còn mình bị cáo. Bị cáo H1 đã tự ý sử dụng xe mô tô đi làm; trên đường đi gặp bà M1 đang đi bộ nên bị cáo chở bà M1 đi cùng. Bị cáo chở bà M1 đi được khoảng 05 phút thì gặp bà G1 đang dắt xe đạp đi bộ sang đường ở phía trước. Sau đó, xe do bị cáo điều khiển đã đâm va với xe đạp do bà G1 dắt đi bộ; gây tai nạn giao thông. Bà G1 được đưa đi bệnh viện cấp cứu nhưng đã chết. Sau khi xảy ra tai nạn, bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 60.000.000 đồng; gia đình bị hại không yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng là anh Q1, anh C2 trình bày: Hồi 06 giờ 30 ngày 26- 09- 2022, khi tai nạn xảy ra, các anh đã chạy đến hiện trường. Khi này, trên mặt đường có một xe mô tô, một xe đạp bị đổ; ba người bị ngã. Bà G1 đã bất tỉnh, vùng đầu chảy máu; người phụ nữ trẻ điều khiển xe mô tô bị ngất; hai người được đưa đi cấp cứu. Tại nơi xảy ra tai nạn, mặt đường bê tông phẳng, hai bên thông thoáng; mật độ giao thông bình thường.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSTT ngày 28- 02- 2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

**Luận tội của Kiểm sát viên:** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 260; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 65, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14. Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Chấp nhận mức bồi thường cho gia đình bị hại. Bị cáo phải nộp án phí.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí về tội danh, đề nghị giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho bị cáo hưởng án treo; không phạt bổ sung. Nhất trí thỏa thuận về trách nhiệm dân sự.

**Bị cáo nói lời sau cùng:** Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

**[2].Về hành vi của bị cáo:** Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Sáng ngày 26- 09- 2022, khi tham gia giao thông, bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ; đó là nguyên nhân gây tai nạn giao thông, hậu quả bà Gái bị chết. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Khi tham gia giao thông, bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ; thể hiện: Khi có người đi bộ qua đường, bị cáo tuy có quan sát nhưng không giảm tốc độ đến mức có thể dừng lại một cách an toàn nên đã gây tai nạn giao thông, hậu quả chết người, hư hỏng tài sản. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 6 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT- BGTVT Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ ngày 29 tháng 08 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải; đã vi phạm khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ; đã xâm phạm đến an toàn công cộng; là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người trên 16 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi vô ý, hậu quả làm chết người, hư hỏng tài sản; bị cáo không có giấy phép lái xe nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội phạm và điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Thông tư số 31/2019/TT- BGTVT Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ ngày 29 tháng 08 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định:

***“Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ***

*Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:*

1.....

6. Khi có người đi bộ, ... qua đường... ”.

Luật giao thông đường bộ quy định:

***“Điều 9. Quy tắc chung:***

*1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ...”.*

***“Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm:***

1.....

8. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định...”.

***“Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ***

*1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định; ....

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.”.

**[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 17 năm 02 tháng 08 ngày tuổi nên được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo; vụ án xảy ra cũng có một phần lỗi của bị hại; gia đình bị hại đề nghị giảm nhẹ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo dưới khung hình phạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng có thể giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Bị cáo là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

**[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng:** Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả cho bà H4 01 xe mô tô biển kiểm soát 16L4- 8450; đã trả cho ông H3: 01 xe mini màu đỏ.

**[5]. Về trách nhiệm dân sự:** - Bà H4 đã nhận lại chiếc xe mô tô, không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

- Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận: Bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền: 60.000.000 đồng (Đã bồi thường xong). Trong quá trình tố tụng, những người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường thêm; tại phiên tòa những người đại diện bị hại vắng mặt nên không có ý kiến trình bày thêm. Vì vậy, cần ghi nhận thỏa thuận này.

**[6]. Về các vấn đề khác của vụ án:** Bị cáo tự ý sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16L4- 8450 do bà H4 gửi tại nhà bị cáo để đi làm, sau đó gây tai nạn giao thông. Bà H4, ông H3, bà M1 đều không biết việc bị cáo sử dụng xe nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với những người này.

**[7]. Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo đã bồi thường trước khi mở phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên bị cáo không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Tuyên bố:** Bị cáo H1 phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

**2. Xử phạt:** Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 260; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91; Điều 50; Điều 54; Điều 38; Điều 101; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo H1: 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo; thử thách 04 (Bốn) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24 tháng 04 năm 2023.

-Trong thời gian thử thách, giao bị cáo H1 cho Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

### **3. Các vấn đề trong thi hành án treo:**

**3.1).** -Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi cùng huyện nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện nơi cư trú thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

**3.2).** Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**4. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng: Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 591, Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận thỏa thuận: Bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 60.000.000đồng (Đã bồi thường xong).

**5. Về án phí:** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án hình sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện của bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ

ngày được giao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Đại diện bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Tòng**